

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý 2/2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 2		Lấy kể từ đầu năm	
		Năm 2010	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	2,417,343,282,337	1,973,822,444,313	4,606,972,519,876	3,841,337,536,898
2. Các khoản giảm trừ (03=04+06+07)	03	52,553,528,989	41,795,200,024	77,204,115,206	73,794,841,498
- Chiết khấu thương mại	04	39,384,084,720		59,621,734,921	
- Giảm giá hàng bán	05	7,908,278,416		11,014,915,400	
- Hàng bán trả lại	06	5,261,165,853		6,567,464,885	
- Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế XNK, thuế GTGT theo PP trực tiếp	07				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10	2,364,789,753,348	1,932,027,244,289	4,529,768,404,670	3,767,542,695,400
4. Giá vốn hàng bán	11	2,189,442,609,957	1,774,009,934,157	4,176,678,927,531	3,468,659,804,836
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	175,347,143,391	158,017,310,131	353,089,477,139	298,882,890,564
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	12,394,857,038	14,975,443,929	24,575,494,981	29,132,724,318
Trong đó: Doanh thu không chịu thuế					
7. Chi phí tài chính	22	32,755,375,429	21,959,171,510	75,396,617,048	52,469,082,610
Trong đó: Chi phí lãi vay phải trả	23	26,854,688,168		52,424,458,678	



CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm	
		Năm 2010	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2009
8. Chi phí bán hàng	24	84,811,624,351	57,255,056,409	142,430,085,451	143,939,021,925
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	25,263,708,390	48,195,243,508	59,914,725,236	50,997,248,420
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	44,911,292,259	45,583,282,634	99,723,544,385	80,610,261,927
11. Thu nhập khác	31	5,416,286,073	2,083,247,693	9,590,917,339	3,880,835,091
12. Chi phí khác	32	346,992,933	6,515,731	1,443,007,031	9,110,729
13. Lợi nhuận khác	40	5,069,293,140	2,076,731,962	8,147,910,308	3,871,724,362
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	49,980,585,399	47,660,014,596	107,871,454,693	84,481,986,289
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	15,686,482,251	5,813,965,031	29,639,865,721	10,416,711,493
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52				
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	34,294,103,148	41,846,049,564	78,231,588,972	74,065,274,796
Phân bổ cho :					
- Lợi ích cổ đông thiểu số		244,137,151		44,193,878	
- Cổ đông của Tổng Công ty		34,049,965,997		78,187,395,094	
18. Lãi trên cổ phiếu	70	614		1,410	1,517

NGƯỜI LẬP BIỂU


Lê Thị Chiến

KÊ TOÁN TRƯỞNG


ĐÀO VĂN ĐẠI

Ngày 25 tháng 04 năm 2010



PHÙNG TUẤN HẠ

